

VỀ THÀNH NGỮ CÓ CHỨA YẾU TỐ “RUỘT” TRONG TIẾNG VIỆT**Nguyễn Thanh Thủy***

1. Từ góc độ văn hóa, khi so sánh đối chiếu với các từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người với tư cách là những đơn vị biểu trưng ngữ nghĩa, một số nhà nghiên cứu cho rằng, nếu như trong các ngôn ngữ biến hình châu Âu, "đầu" thường biểu trưng cho hoạt động trí tuệ hay ý chí, "tim" biểu trưng cho cảm xúc và tình cảm thì trong các ngôn ngữ phương Đông lại thường dùng lục phủ, ngũ tạng. Theo Đông y, lục phủ gồm: dạ dày, ruột non, ruột già, bàng quang, mật và tam tiêu. Đây là những cơ quan chủ yếu mang chức năng tiêu hóa, hấp thụ và truyền dẫn (phủ dĩ thông vi dụng). Còn ngũ tạng: tim, phổi, lá lách, gan, thận. Đây là những cơ quan chủ yếu để tàng trữ tinh, khí, thần, huyết (tạng dĩ tàng vi chủ). Thật ra, cái nhìn của dân gian không quá rạch ròi như vậy. Thậm chí trong khá nhiều trường hợp, cả lòng, bụng, dạ, ruột, gan... đều nằm trong cùng một trường nghĩa biểu trưng. Đây là điểm đặc biệt của tiếng Việt. Bài viết này khảo sát ngữ nghĩa của từ ruột và các thành ngữ liên quan đến nó trong thành ngữ tiếng Việt.

2. Theo ngôn ngữ học tri nhận, thông qua ngữ nghĩa của từ, của cụm từ, trong đó có thành ngữ và cả câu nữa, con người đã ý niệm hoá những trải nghiệm của chính mình. Bao trùm lên tất cả, một loạt trải nghiệm mang tính tổng thể là loạt trải nghiệm tự nhiên mà trước hết là thông qua các từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể của chính con người, thứ đến là những trải nghiệm nảy sinh từ tương tác của con người với môi trường tự nhiên và cuối cùng là những trải nghiệm của chính con người với con người dưới sự chi phối của một nền văn hóa nhất định.

Liên quan đến vấn đề đang bàn ở đây là một loại trải nghiệm thứ nhất. Từ cách hình dung đơn giản nhất, rõ ràng ngay trong hệ thống số đếm trong các nền văn minh đều có liên quan đến việc tri nhận về lượng từ các bộ phận cơ thể con người. Tương tự, từ những trải nghiệm của chính bản thân con người, cái bộ phận bên trong của chính mình được định danh bằng "ruột" được ngoại suy để chỉ cái bên trong của vật tương đồng: ruột cây, ruột viết, ruột xe, ruột phích, ruột bánh mì... Ở đây, có thể người ta không hình dung được một cách minh xác ruột được định vị ở đâu trong vùng bụng mà chỉ biết rằng nó là vật ở trong (inside)

* ThS. – Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Tp. HCM.

trong khi da thì ở ngoài (outside). Bước đầu có thể thấy từ đây đã hình thành thể đối lập ruột ở trong và da ở ngoài. Có thể kể đến các trường hợp "ruột để ngoài da", "ruột bỏ ngoài da" và khi ai đó có ý coi thường máu mủ ruột già thì dân gian lại nói "ruột bỏ ra, da bỏ vào".

3. Khảo sát tất cả các thành ngữ tiếng Việt có chứa yếu tố ruột có thể khái quát thành các miền ý niệm mà nó biểu trưng như sau

3.1. Biểu trưng cho tình cảm

a. Mừng vui: "nở từng khúc ruột; nở ruột nở gan"; hả hê, khoan khoái, thỏa mãn trong lòng: "mát gan mát ruột; mát lòng mát ruột; mát lòng mát dạ; mát lòng hả dạ":

- Ví dụ 1: “Nhưng mặc dù biết vậy, khi nghe nó tán hươu tán vượn tôi vẫn cảm thấy *nở từng khúc ruột* và trong tâm trạng cực kỳ phấn khởi đó, tôi đã tuyên bố cho luôn nó bộ cờ bằng ngà hiện nó đang mượn của tôi.” (VnExpress)

- Ví dụ 2: “Mụ toát mồ hôi không hiểu tại sao, mụ quán thấy vui *nở ruột nở gan* gần như kiêu hãnh, sung sướng. Mụ quán lại được yên ổn làm ăn như cũ.” (Van hoc Online)

b. Buồn lo: "lo rối ruột"; buồn nghĩ: "nghĩ thối ruột thối gan"; tức tối: "tức lộn ruột; lộn cả ruột; tức nổ ruột"; đau đớn: "đau lòng xót ruột; ruột đau như cắt; đau như cắt ruột; đau như đứt ruột; đứt ruột cháy gan; đứt ruột đứt gan"; đau đớn đến nhức nhối: "xé ruột xé gan".

- Ví dụ 3: “Tôi thất vọng nào nè, *ruột rối như tơ vò* nhưng không đủ can đảm để bước vào ngôi nhà ấy.” (Thanh nien Online)

- Ví dụ 4: “Xa hai con ngoại cũng *đứt ruột đứt gan* lắm, nhưng ở đây ngoại chẳng lo nổi đầy đủ cho hai con. Thôi thì lên đó hai con liệu đường mà sống. Phải ngoan ngoãn, chịu nghe lời chú thím để mà yên thân ăn học nghe các con...” (Tuoi tre Online)

- Ví dụ 5: “Những tiếng trẻ khóc như ri, tiếng kêu *xé ruột* của những bà mẹ ôm con không tiền mua thuốc nhói vào tim tôi.” (Thanh nien Online)

- Ví dụ 6: “Gặp anh không nỡ phân trần

Ruột đứt từng chặng, gan bằm tới tim.” (Ca dao)

c. Thương yêu: thể hiện tình ruột thịt, tình yêu thương giống nòi.

- Ngoài cái nghĩa cụ thể biểu trưng cho tình ruột thịt, máu mủ: “giọt máu đào hơn ao nước lã”, “ruột” còn biểu trưng cho tình yêu thương dân tộc giống nòi như ở thành ngữ “tay đứt ruột xót (tay cắt ruột xót; tay đứt dạ xót)”. Cần thấy, trong nhiều miền ý niệm biểu trưng do yếu tố “tay” mang lại, “tay” được cho là biểu trưng cho con người, biểu trưng cho cái toàn thể thì ở trường hợp này “tay” biểu trưng cho cái bộ phận. Cơ thể là một thể thống nhất, cũng như anh em một nhà “anh em như thể chân tay” và cao hơn nữa đây là tình dân tộc: “bầu ơi thương lấy bí cùng; Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”. Vì thế, khi một bộ phận nào đó bị “đứt” thì sẽ ảnh hưởng đến tất cả các bộ phận khác.

Trở lại với “tay đứt ruột xót”, ở đây, ta thấy dân gian đã chọn “tay” “đứt” mà không chọn bộ phận khác là có lí do. Trong quá trình con người tương tác với thế giới xung quanh, đôi tay là “công cụ” dùng để giải quyết tất cả các vấn đề của con người. Từ lao động để nuôi sống bản thân: “tay làm hàm nhai”, xây dựng sự nghiệp: “tay chèo tay chống; cờ đến tay ai người ấy phát...” cho đến cả hoạt động vui chơi giải trí: “tổ tôm ù tay trên” hay cả trong các hoạt động xã hội: “khi vui thì vỗ tay vào”... Ngoài ra, dân gian còn có cách đánh giá hiện thực rất thực tế. Mọi sự việc, hiện tượng đều được các giác quan kiểm tra: “mắt thấy, tai nghe, tay sờ, miệng nếm, mũi ngửi” mới chấp thuận. Vậy, “tay” không chỉ là một công cụ hữu ích mà còn là một giác quan quan trọng của con người. “Tay”, bộ phận rất cơ động “ra tay”, “phồng tay trên” bộ phận nằm bên ngoài (outside) của cơ thể bị “đứt” thì cuộc sống chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng, bị thiệt thòi nên “ruột”, cái bên trong (inside) của cơ thể sẽ “xót”. “Ruột” là vật chứa, biểu trưng cho tất cả những phần còn lại của cái toàn thể. Tay “đứt”, “đứt” là vết thương bên ngoài của cơ thể đã gây nên “ruột xót”, “ruột xót” là nỗi đau đớn ở bên trong.

- Ví dụ 7: “Bà lắc đầu quày quảy: Thôi thôi! Cứ chết ngay tôi cũng không chữa thuốc y viện đâu. Người ta không *tay đứt ruột xót*, máu chảy ruồi bâu gì. Ai người ta săn sóc con tôi. Mà thuốc của họ...” (Chu Văn - Bão biển (tập 1) - NXB VH - Hà Nội - 1982, tr.376).

Ta xét tiếp một thành ngữ khác: “Máu chảy ruột mềm”. Máu là chất lỏng, có màu đỏ và chúng chảy trong các mạch của người và động vật. Chúng nuôi dưỡng và duy trì sự sống của cơ thể. Cơ thể vẫn sống nếu thiếu một bộ phận nào đó như mắt, như mật, như tay, như chân...nhưng không thể không có máu. Máu

đang lưu thông là cơ thể đang sống, máu ngừng chảy là cơ thể chết. "Ruột" là bộ phận của bộ máy tiêu hóa. Trong cơ thể sống, ruột cũng hoạt động liên tục để góp phần nuôi cơ thể như máu vậy. Tương tự như "tay đứt ruột xót", cơ thể là thể thống nhất, ở nơi nào đó trên (hay trong) cơ thể bị ngưng trệ, bị tắc nghẽn thì ngay lập tức sẽ ảnh hưởng đến các nơi khác. Nếu như "ruột" bị đau, bị tắc thì liệu máu có lưu thông thông suốt? Theo đông y: "thông bất thông mà thông thì bất thông". Vậy là, nếu có một nơi nào đó trên (trong) cơ thể bị trục trặc thì ít nhất sẽ có một nơi khác bị ảnh hưởng, bị đau đớn nếu không nói là toàn thân thể đều bị đau đớn, suy yếu.

d. Trông đợi: "nóng lòng nóng ruột; nóng lòng sốt ruột; nóng ruột nóng gan; nóng ruột sốt lòng; sốt ruột sốt gan"; giầy vò trong lòng: "thắt gan thắt ruột; thắt ruột thắt gan"; âu lo: "nát gan nát ruột; nát ruột nát gan"

- Ví dụ 8: "Chiều chiều xách giỏ hái rau

Ngó lên má mẹ *ruột đau như dằm*." (Ca dao)

- Ví dụ 9: "Mỗi lần đi lại tốn 5-7 triệu, *đau như cắt ruột* mà xe thuê toàn loại rẻ tiền, rẻ mả, không an toàn." (VnExpress)

- Ví dụ 10: "Những tấm bưu thiếp được phép gửi qua bưu điện giữa hai miền lúc ấy bao giờ cũng chỉ có vài chữ vắn tắt "Cả nhà vẫn mạnh", "Cố gắng học tập, không cần lo cho nhà"... Chúng tôi *cháy ruột cháy gan* khi nghe tin về những cuộc thảm sát hàng loạt ở Vĩnh Trinh, Ngân Sơn, Hướng Điền, Sơn Mỹ, tin Rạch Lùm, Khánh Hưng, Khánh Hội bị thả bom rải thảm." (Tuoi tre Online).

- Ví dụ 11: "Ai nấy đều *nóng ruột sốt lòng* mong cho chóng đến giờ mở màn sân khấu, để được cười, được vỗ tay, được học thêm vài lối pha trò mới, để mai làm nhếch mép người yêu." (Van hoc Online)

- Ví dụ 12: "Anh *nóng ruột*, nhớ vợ, long tong chạy ngược chạy xuôi để vay tiền chuộc." (Van hoc Online)

e. Quên, mê: "lú gan lú ruột; lú ruột lú gan". Lú lẫn gan ruột, cách hình dung này cho thấy gan ruột không chỉ là cơ quan biểu trưng cho tình cảm.

f. Căm ghét, phẫn uất: "moi ruột moi gan"; "bầm gan lộn ruột; bầm gan tím ruột; bầm gan sôi máu; thâm gan tím ruột".

- Ví dụ 13: "Cái cò trắng bạch như vôi

Có ai lấy lẽ chú tôi thì về!

Chú tôi chẳng đánh chẳng chê,

Thím tôi *móc ruột*, lời mê, ăn gan.” (Ca dao)

Tất nhiên sự phân loại ở đây chỉ có ý nghĩa tương đối. Bởi ngoài một số phổ niệm như giận dữ là sức nóng, các khái quát về tình cảm con người thông qua các thành ngữ khó lòng đạt được một sự rạch ròi.

3.2. Biểu trưng cho tính tình

- “Ruột bỏ ngoài da; ruột để ngoài da”. Da là lớp mô bao bọc bên ngoài cơ thể người và một số động vật còn "ruột" là bộ phận trong bộ máy tiêu hóa, nó nằm sâu bên trong ổ bụng của người hay động vật. Vậy "ruột", là vật chứa, là cái bộ phận bên trong, cái nội dung lại vượt ra ngoài "da", "da" là cái bên ngoài, cái bao bọc, cái bảo vệ. Đem cái cần cất giữ để ra ngoài, nơi không phải là vị trí của nó, có phải là điều ngược đời, phải chăng là điều không nên? Thông qua ẩn dụ này, dân gian muốn phê bình những kẻ có tính tình bộc toạc, nói năng không biết giữ gìn. Cách ứng xử này thường làm phiền lòng người khác do lộ ra những bí mật không được phép nói. Thật ra sự định hướng không gian trong - ngoài là một phổ niệm: trong là tốt, là hướng lên, là không gian được bao chứa và ngoài thì theo hướng ngược lại.

- "Moi ruột moi gan". Ở đây, dân gian đã phê phán nhẹ nhàng những người "ruột để ngoài da", "phơi bày hết mọi nỗi niềm, tâm sự của mình. Người đâu mà dễ dãi thế, gặp ai cũng tâm sự hết chuyện này sang chuyện khác, moi ruột moi gan cho người ta xem hết." (Từ điển Thành ngữ Việt Nam, tr. 423). Thành ngữ này còn hàm ngụ một cái nghĩa khác, ruột, gan là vật chứa bao nhiêu điều thầm kín, riêng tư. Khi đã moi gan, moi ruột moi gan trao gửi cho người khác là mong được san sẻ và phải là người tri ân tri kỷ như thế nào mới rút ruột.

3.3. Biểu trưng cho giá trị

Ruột là vật chứa, biểu trưng cho giá trị quan trọng: "đồng tiền liền khúc ruột: ruột và tiền là hai phạm trù hoàn toàn khác nhau. Tiền biểu trưng cho giá trị vật chất, nó có sức mạnh vô cùng "mạnh vì gạo, bạo vì tiền; nén bạc đâm toạc tờ giấy" hay quý giá khi ví "cha tiền mẹ bạc", "vác tiền ra mà cả cái chết", vì không có tiền nên lo lắng đến nỗi dài cả mặt ra: "tiền ngắn mặt dài", hay "lạnh

như tiền", "mất tiền mua mâm thì đâm cho thủng, mất tiền mua thúng thì đựng cho mòn", "ngậm miệng ăn tiền"...còn ruột, như đã nói nó là vật chứa, là nơi lưu giữ tất cả các sắc màu tình cảm của con người vậy sao lại đem nó ghép với đồng tiền, một giá trị vật chất có nhiều mặt? Phải chăng người ta muốn khẳng định lại cái giá trị vật chất của đồng tiền cũng quý giá không kém gì cái giá trị tinh thần mà ruột lưu giữ. Cả hai đồng hành cùng nhau, giá trị vật chất và giá trị tinh thần đều quý như nhau. Nếu "mất tiền" thì "ruột thối" còn nếu "được lợi" thì "nở ruột".

- Ví dụ 14: “Và còn vì "*đồng tiền liền khúc ruột*", không phải là "tiền chùa" mà là "của đau con xót" cho nên họ phải tìm mọi cách sử dụng đồng vốn một cách tối ưu. Nhưng không phải chỉ có thế, tính cơ động xã hội cũng do đó mà được đẩy tới.” (Tương Lai - *Khẳng định mới đối với doanh nhân* - TTCN 40-03)

- Ví dụ 15: “Doanh nghiệp tư nhân, do đặc thù của nó, khả năng ra quyết định nhanh là một lợi thế trong hoạt động trên thương trường. Khi mà "*đồng tiền liền khúc ruột*" thì sự táo bạo luôn đi liền với sự thận trọng cần thiết để đưa ra quyết định nhằm chớp lấy cơ hội.” (Tương Lai - *Khẳng định mới đối với doanh nhân*- TTCN 40-03)

- Ví dụ 16: “Dân gian thường nói "*Đồng tiền nói liền khúc ruột*" cho nên điều gì xảy ra liên quan đến tiền bạc, nếu có người nào thắc mắc thì cũng là chuyện đương nhiên.” (KTNN 294 - *Thuế giá trị gia tăng vẫn còn có vấn đề*, tr.7)

3.4. Biểu trưng về cách ứng xử

- "Làm khách sạch ruột". Đây biểu trưng cho nét ứng xử của người Việt Nam. Khi đến nơi xa lạ, người ta thường giữ ý (làm khách) để không làm phiền gia chủ hoặc với quan điểm "miếng ăn là miếng tòi tàn" hay "miếng ăn là miếng nhục" nên họ chỉ ăn qua loa để tỏ lòng cảm ơn nhưng sau đó thì phải đối mặt với cái đói. Sạch ruột ở đây phải chăng là ruột sạch? là ruột chỉ tiêu hóa những gì phù hợp?

3.5. Chúng ta hiểu được sự vật hiện tượng bên ngoài thông qua các trải nghiệm của chính bản thân. Dùng kinh nghiệm của chính chúng ta như công cụ phóng chiếu và trong hàng loạt trải nghiệm có khi rời rạc ấy cần phải hướng sự chú ý dựa vào một nguồn ngữ liệu đủ lớn, nhất là trong phân tích phải cho thấy được tính hệ thống của các ẩn dụ như George Lakoff và Mark Johnson chủ trương.

Sau đây là một số ghi nhận:

a. "Nhớ như chôn vào ruột": "Chôn", theo từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê, "cho vào lỗ đào ở đất và lấp lại". Khi nói đến chôn cái gì vào nơi nào đó thì cái gọi là nơi nào đó phải có sức chứa, có độ sâu ít nhất là đủ chứa vừa cái vật được chôn vào nó. Ruột cũng như lòng đất, nơi người ta có thể gửi gắm tất cả. "Thắt ruột thắt gan": "thắt" theo từ điển Hoàng Phê có các nghĩa "1. Làm cho hai đầu mỗi dây vòng qua nhau và kết giữ vào với nhau, tạo thành nút. 2. Rút các đầu mỗi dây đã thắt cho chặt hoặc cho vòng buộc hẹp lại. *Thắt chặt miệng túi lại. Thắt chặt vòng vây. Thắt chặt tình hữu nghị. Ruột đau như thắt.* 3. Có dạng thu hẹp hẳn lại trông như bị thắt. *Quả bầu thắt eo ở giữa. Dòng sông rộng bỗng thắt lại một quãng*". Tuy trong từ điển giải thích rằng "ruột đau như thắt" thì, thắt mang nghĩa bóng. Nhưng rõ ràng, dân gian đã tri nhận "ruột là một vật chứa". "Đầy gan đầy ruột": Cũng theo từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê, "đầy": 1. Ở trạng thái có đến hết mức có thể chứa. *Thóc đầy bồ. Tràn đầy. Cái nhìn đầy giận dữ.* 2. Ở trạng thái có nhiều và khắp cả. *Trời đầy sao. Lúa chín đầy đồng...3.* Ở trạng thái có thể tích tối đa, do có đủ các phần hoặc đủ chất cấu tạo. *Cho ăn đầy bữa. Dao này má nó đã đầy đầy. Trăng đầy* (tròn, không khuyết). 4. đủ số lượng một đơn vị. 5. (Bụng) có cảm giác căng, anh ách, khó chịu, do ăn không tiêu. *Ăn mít bụng hơi đầy. Đầy bụng. Đầy hơi* (ứ nhiều hơi trong bụng, do ăn không tiêu). Tương tự bụng, ruột ở đây, chính là vật chứa đựng.

b. Sức nóng của nỗi đau đã làm cho người ta "cháy gan cháy ruột; cháy ruột cháy gan; cháy lòng cháy ruột; cháy ruột đốt gan; bầm gan tím ruột; đứt ruột cháy gan; đứt ruột đứt gan; gan rầu ruột héo; héo gan héo ruột; nẫu gan nẫu ruột; nẫu ruột nẫu gan; nẫu ruột rầu gan; nóng ruột nóng gan; thâm gan tím ruột; tím gan tím ruột; tím ruột bầm gan". Theo quan sát của y học cổ truyền Trung Hoa, gan người có màu xanh lá cây, vị chua. Theo tri nhận của con người cái sức nóng kinh khủng của khổ đau đã làm cho ruột - gan chuyển màu. Từ màu tự nhiên, giờ đây chúng bị "bầm", bị "thâm" và "tím" lại. Người ta không thể nhìn thấy màu thực sự của lá gan, của khúc ruột lúc con người bị đau khổ hành hạ như thế nào mà người ta chỉ nhận ra sự đau đớn ấy thể hiện qua ánh mắt, sắc mặt, dáng đi...tức là từ những gì bên ngoài của con người. Phải chăng, người ta đã dùng phép nội suy để nhìn thấy sự chuyển màu của những bộ phận nằm sâu bên trong cơ thể con người? Bởi, cũng với trạng thái vui vẻ, thỏa mãn, sung sướng thì "mát mặt",

"nở mặt", "mở mặt" tương đồng với "mát gan mát ruột, mát lòng mát ruột", "nở gan nở ruột, mở lòng mở dạ".

Cần thấy, các miền ngữ nghĩa vừa nêu không chỉ bó hẹp trong yếu tố ruột mà là đặc điểm chung của nhiều miền ý niệm do các từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người đảm nhiệm: mát mặt, mát tay... Và cũng trên cơ sở này, có thể mở rộng cái tiêu cực là nóng, tích cực là mát: "mát mặt mát mày, mát lòng mát ruột, mát lòng mát dạ, mát da mát thịt" hay các tri thức nền bên ngoài hệ thống: mát bụng (nó nói nghe mát cả cái bụng), mát mắt (tường sơn màu xanh nhìn mát mắt; nó mặc đồ mát con mắt!), mát tay (bác sĩ mát tay), mát tính, nhà sạch thì mát bát sạch thì ngon, xuôi chèo mát mái, ngồi mát ăn bát vàng.

Hãy quan sát các ví dụ sau:

- Ví dụ 17: “Nhìn Thùy Vân nhảy thoăn thoắt lên các bậc cấp, Tiểu Long không khỏi *nở từng khúc ruột*.” (TTXVN Online)

- Ví dụ 18: “Sau khi nói một câu nghe *mát lòng mát ruột* đi tôi bước lại tú lom khom lục thuốc.” (TTXVN Online)

- Ví dụ 19: “Nó làm tôi *mát lòng mát dạ* quá xá.” (TTXVN Online)

- Ví dụ 20: “Chữ "hai đứa" làm tôi *mát lòng mát ruột*.” (TTXVN Online)

- Ví dụ 21: “Niềm vui *nở mày nở mặt* của HLV Jose Mourinho cũng bắt đầu cho nỗi buồn *tím tái ruột gan* của người dẫn dắt MU - ông Alex Ferguson.” (Thanh nien Online)

Hoặc biểu trưng chiều nghĩa ngược lại:

- Ví dụ 22: “Bước xuống tàu *ruột bào gan thắt*

Trời hồi trời chồng bắc vợ nam”. (Ca dao)

- Ví dụ 23: “Con Mận nhà tui hiền lành, thật thà như đếm mà tự dưng *mát tích*. Đêm nằm ngủ mà thương con *quặn ruột*. Bây giờ ai đưa nó về thì bán cả cái nhà này để đền bù tui cũng chịu. Bà Tuyên *nóng gan nóng ruột* nhưng vẫn nghĩ con mình đi làm thuê chứ không biết Mận đã bị bán sang Trung Quốc như miệng người làng.” (TTXVN Online)

Đây cũng là một nghiệm thân khá thú vị và không chỉ bó hẹp trong miền biểu trưng do ruột mang lại.

Đến đây có thể đúc kết:

(i) Hình dáng ruột toàn vẹn, giãn nở biểu trưng cho hướng nghĩa lên.

(ii) Hình dáng ruột không toàn vẹn, co thắt, biến dạng biểu trưng cho hướng nghĩa xuống.

(iii) Ruột là vật chứa, cái bên trong biểu trưng cho cảm xúc, tình cảm.

4. Với cách hình dung này, từ sự biểu đạt của các thành ngữ cụ thể, chúng ta hoàn toàn có thể khái quát thành những ẩn dụ và hoán dụ ý niệm hữu quan. Nhưng cũng phải thừa nhận rằng, có những ẩn dụ, hoán dụ ý niệm mang tính khái quát và hệ thống nhưng cũng có những loại, mang tính cụ thể và có tính chất tiềm năng. Nhận định này là đúc kết từ phạm vi quan sát là thành ngữ. Thật ra, các biểu thức tri nhận của một dân tộc cần thiết phải biến dẫn nhiều cứ liệu bên ngoài thành ngữ, thậm chí tri thức nền. Tuy nhiên, từ những quan sát rải rác trên đây có thể thấy, mở rộng phạm vi khảo sát đến các bộ phận lục phủ, ngũ tạng chắc chắn chúng ta sẽ thu hoạch được nhiều điều lý thú và bổ ích khác do các ẩn dụ và hoán dụ ý niệm mang lại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Al-Sharafi, Abdul, G,M, (2004), *Textual metonymy*, A Semiotic approach palgrave Macmillan.
- [2]. Dirven, R, (2003), *Metonymy and Metaphor, Different mental strategies of conceptualization*, In R, Dirven, & R, Poring, *Metaphor and metonymy in comparison and contrast* (pp. 75-110), Berlin, Mouton de Gruyter.
- [3]. Johnson, M, (1987), *The body in the mind, The bodily basis of meaning, imagination, and reason*, Chicago, University of Chicago Press.
- [4]. Kovecses, Z, (2002), *Metaphor, A Practical Introduction*, Oxford, Oxford University Press.
- [5]. Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận, Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội.
- [6]. Stefanowitsch, A, & Gries Th. S, (2006), *Corpus-Based approaches to metaphor and metaphonymy*, Mouton de Gruyter, Berlin-NewYork.
- [7]. Trần Văn Cơ (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận*, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội.
- [8]. Trần Văn Cơ (2009), *Ẩn dụ tri nhận*, NXB Lao động - Xã hội.

Tóm tắt

Về thành ngữ có chứa yếu tố “ruột” trong tiếng Việt

Theo ngôn ngữ học tri nhận, thông qua ngữ nghĩa của từ, của cụm từ, trong đó có thành ngữ và câu, con người đã ý niệm hoá những trải nghiệm của chính mình. Và khi so sánh đối chiếu với các từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người với tư cách là những đơn vị biểu trưng ngữ nghĩa, một số nhà nghiên cứu cho rằng, nếu như trong các ngôn ngữ biến hình châu Âu, "đầu" thường biểu trưng cho hoạt động trí tuệ hay ý chí, "tim" biểu trưng cho cảm xúc và tình cảm thì trong các ngôn ngữ phương Đông lại thường dùng lục phủ, ngũ tạng. Bài viết này khảo sát các thành ngữ tiếng Việt có chứa từ “ruột” (một bộ phận nằm trong lục phủ) và có thể kết luận:

- (i) Hình dáng ruột toàn vẹn, giãn nở biểu trưng cho hướng nghĩa lên.
- (ii) Hình dáng ruột không toàn vẹn, co thắt, biến dạng biểu trưng cho hướng nghĩa xuống.
- (iii) Ruột là vật chứa, là cái bên trong biểu trưng cho cảm xúc, tình cảm của con người.

Abstract

Expressions containing factor “bowel” in Vietnamese

According to cognitive linguistics, through the semantic features of words, or phrases, including idioms and sentences, people have formed the conceptual framework based on their experiences. When analyzing the terms of the body parts as semantic manifestations, some researchers have found out in European languages, "head" is usually expressed as the will or mind, "heart" as the feelings or emotions; whereas, in Eastern languages, the six internal organs are used to manifest these ideas. This article investigates some Vietnamese idioms with the word "bowel", and therein, some conclusions are drawn:

- (i) Completely stretched shape of bowel is symbolized upward mental meanings.
- (ii) Incompletely stretched contracted or deformed shape of bowel is symbolized downward mental meanings.
- (iii) Bowel is the container, an inside organ symbolized feelings or emotions of people.